

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 15 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12,
Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ
ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa
thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Hà Văn N sinh năm 1981,
nơi ĐKKTT và nơi ở: Bản H, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La và chị Lò Thị
Minh B sinh năm 1984, nơi ĐKKTT: Bản H, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.
Nơi ở: Bản PC, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Lò Thị Minh B kết hôn với nhau
từ năm 2006. Việc kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép
buộc. Các bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CM, huyện MS, tỉnh
Sơn La vào ngày 13/10/2006 và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong
tục tập quán. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh N và chị B chung sống hạnh
phúc được bảy năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do
anh N và chị B không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường
xuyên có cãi cọ nhau và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.
Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa
giải cho nhiều lần nhưng không thành. Từ khi hai anh chị sống ly thân, không ai
quan tâm đến ai. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được
nên cả hai anh chị đều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình cho ly hôn.
Tại phiên hòa giải, anh N và chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét
thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N và chị B.

[2] Anh N, chị B có 02 con chung là cháu Hà Đức H sinh ngày 21/3/2007 và cháu Hà Văn H1 sinh ngày 17/11/2013. Anh N, chị B thống nhất giao cả hai con chung là cháu Hà Đức H và Hà Văn H1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H, cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N do anh N không yêu cầu.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Anh N, chị B không có nợ chung.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh N, chị B thuộc diện hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền lệ phí ly hôn theo quy định.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Lò Thị Minh B nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh N, chị B có 02 con chung là cháu Hà Đức H sinh ngày 21/3/2007 và cháu Hà Văn H1 sinh ngày 17/11/2013. Giao cháu Hà Đức H, cháu Hà Văn H1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H, cháu H1 trưởng thành. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N do anh N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh N, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Không có

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hà Văn N, chị Lò Thị Minh B được miễn toàn bộ tiền lệ phí ly hôn theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã CM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh